

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thuật và ông Trần Xuân Thanh.

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị H, sinh năm 1993; HKTT: Thôn H1, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hữu N, sinh năm 1992; HKTT và cư trú: Thôn H1, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:

Chị H kết hôn với anh Đỗ Hữu N tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, thành phố Hà Nội vào ngày 22/11/2013. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị về chung sống với anh N tại gia đình nhà chồng ở thôn H1, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm vào tháng 12/2019, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên thường đánh cãi chửi nhau. Kể từ tháng 12/2019 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện P, TP Hà Nội và ly thân anh N từ đó cho đến nay, không còn khả năng quay về đoàn tụ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016. Ly hôn, chị H đề nghị mỗi bên nuôi 01 con, giao cháu Q cho chị và giao cháu Y cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Q còn quá nhỏ, mới chỉ hơn 03 tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không yêu cầu Tòa xét. Khi bỏ về nhà mẹ đẻ,

chị H có đưa cả 02 con theo nhưng anh N đến dọa nạt, ép buộc các cháu phải về bên nội. Hiện tại cả 02 con đều đang ở cùng với anh N, chỉ khi các cháu khóc vì nhớ mẹ anh N mới để chị H đón các cháu về chơi. Hiện tại chị H là nhân viên của Công ty đá quý E ở D, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ về mọi mặt cho chị H nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Hữu N trình bày như sau:

Anh N xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng ly thân kể từ tháng 12/2019 đến nay và không thể quay về đoàn tụ được nữa. Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị H để giải phóng cho cả hai bên.

Anh N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016. Ly hôn, anh N đề nghị mỗi bên nuôi 01 con, giao cháu Q cho anh và giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì anh N là con trai duy nhất trong gia đình, cháu Q là cháu trai phải ở với bố và bên nội mới phù hợp với phong tục của địa phương. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không yêu cầu Tòa xét. Hiện tại cả 02 con đều đang ở cùng với anh, khi bỏ đi chị H đưa cả hai con theo nhưng anh đến đón về, khi các cháu nhớ mẹ thì anh lại cho đến chơi với mẹ vài ngày. Anh làm áp trứng lộn cùng gia đình, không có thu nhập riêng mà chi tiêu sinh hoạt cùng bố mẹ, bố mẹ anh cũng nhất trí tạo điều kiện về chỗ ở, kinh tế và hỗ trợ anh nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã B nơi cư trú của đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Cả hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn được ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh N chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N là hợp tình hợp lý.

Chị H và anh N có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016. Hiện tại cả 02 cháu vẫn đang ở cùng anh N. Trường hợp giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giao mỗi bên nuôi 01 con để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu. Trước đây anh N đi làm xa không thường xuyên ở nhà nên chủ yếu là chị H chăm sóc cho các con, hơn nữa cháu Q còn nhỏ, mới chỉ 03 tuổi chưa biết tự sinh hoạt cá nhân nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, thiết nghĩ việc Tòa án giao cháu Q cho chị H và giao cháu Y cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016 và giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014; Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã B, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Tạ Thị H kết hôn với anh Đỗ Hữu N là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội vào ngày 22/11/2013. Sau khi cưới, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên thường xuyên va chạm, xô xát, đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 12/2019 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ và ly thân anh N từ đó cho đến nay. Cả hai đều chung quan điểm đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị giải quyết ly hôn... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016. Ly hôn, cả chị H và anh N đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con trai là cháu Q và để bên kia nuôi cháu gái là cháu Y. Xét thấy cả hai bên đều có khả năng nuôi con, tuy nhiên trước đây khi anh N không thường xuyên ở nhà, chị H chủ yếu là người chăm sóc cho các con nên hiểu rõ sinh hoạt và tính nết của từng cháu. Hơn nữa, cháu Q còn quá nhỏ, mới chỉ hơn 03 tuổi, ở độ tuổi này cháu chưa tự sinh hoạt cá nhân được, vẫn cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; cháu Y là con lớn, đã 06 tuổi và hiểu biết nhất định nên cháu Y có khả năng

tự lập hơn so với cháu Q. Do đó, HĐXX xem xét giao cháu Q cho chị H, giao cháu Y cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Đỗ Hữu N.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016; giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H và anh N đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005694 ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Tạ Thị H và anh Đỗ Hữu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phùng Văn Phong